TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS - ST
Ngày: 25 - 02 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Tuấn
2. Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2020/TLST - DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1949 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/6/2019 (âm lịch), bà tham gia giao dịch dân sự góp họ do bà Trần Thị L làm chủ. Dây họ là 1.000.000 đồng, kỳ mở họ một tháng 01 lần, có 18 thành viên, bà tham gia 02 phần và đã góp họ được 12 lần (02 phần họ). Sau đó, bà L tuyên bố chấm dứt tất cả các dây họ và cam kết trả tiền họ theo thỏa thuận cho bà là 24.000.000 đồng nhưng bà L không thực hiện; bà làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp C, xã H, huyện G hòa giải nhưng không thành.

Hợp đồng góp họ hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có văn bản thỏa thuận cụ thể của những người tham gia, bà chỉ được chủ họ photo bản danh sách dây họ để tự theo dõi, việc góp họ không có ký xác nhận. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà tiền họ là 24.000.000 đồng, không đồng ý với đề nghị của bà L trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả là 500.000 đồng.

Bà Trần Thị L là bị đơn trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà H về hợp đồng dân sự góp họ là đúng.

Tháng 5/2020, bà đứng ra tuyên bố chấm dứt tất cả các dây họ, do nhiều thành viên tham gia góp họ đã lĩnh họ nhưng không góp họ theo thỏa thuận.

Đối với yêu cầu của bà H, bà có ý kiến như sau: Bà thừa nhận và đồng ý trả cho bà H tiền họ là 24.000.000 đồng, đề nghị được trả dần, mỗi tháng trả là 500.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhiều người khởi kiện nên bà không có khả năng thanh toán nợ theo yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L phải trả tiền họ (hụi) còn nợ. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị L là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H và bà L thống nhất xác định: Ngày 15/6/2019 (âm lịch), bà H có tham gia giao dịch dân sự góp họ (hụi) do bà L làm chủ, dây họ là 1.000.000 đồng, kỳ mở họ là một tháng 01

lần, có 18 thành viên, bà H tham gia 02 phần. Quá trình thực hiện hợp đồng dân sự góp họ bà H đã góp được 12 lần (02 phần họ) thì bà L tuyên bố chấm dứt dây họ. Đồng thời, bà L thừa nhận và đồng ý trả tiền họ cho bà H là 24.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định việc hai bên tham gia giao dịch dân sự góp họ với nhau là sự thật.

Hợp đồng dân sự góp họ là sự thỏa thuận của những người tham gia góp họ nhằm mục đích tương trợ trong Nhân dân. Cho nên, những người tham gia góp họ phải thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận và phải phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự góp họ. Bà L thừa nhận nợ và cam kết trả nợ cho bà H nhưng không thực hiện là vi phạm Điều 471 của Bộ luật Dân sự; vi phạm trách nhiệm của chủ họ do không giao các phần họ theo Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà L, buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho bà H tiền họ là 24.000.000 đồng. Bà L nêu lên hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị trả dần khoản nợ nêu trên nhưng bà H không đồng ý sẽ được xem xét khi thi hành án.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 - 9 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1949 (trên 60 tuổi) có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí hợp lệ và được Tòa án chấp nhận.

Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với yêu cầu của bà H được chấp nhận là: 24.000.000 đồng x 5% = 1.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 - 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2 của Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ (hụi) đối với bà Trần Thị L.

Buộc bà Trần Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H tiền họ (hụi) là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện G;
- Thi hành án huyện G;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát